TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **215**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2022
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hữu T**

Bà Nguyễn Thị L

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** **Ông Nguyễn Minh V** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐ-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: Ông Đỗ Văn K, Sinh năm 1957 (Có mặt)

Trú tại: thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị K**, Sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đỗ Văn K trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông K và bà K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/1980 tại UBND xã T, huyện M, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay ông K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà K.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống, vợ chồng có 06 con chung là Đỗ Thị T, sinh năm 1981; Đỗ Văn K, sinh năm 1984; Đỗ Thị Quý T, sinh năm 1986; Đỗ Thị P, sinh năm 1988; Đỗ Thị H, sinh năm 1990; Đỗ Văn K, sinh năm 1992. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị xem xét.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị K:

Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không lên Tòa án làm việc, theo Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M vào năm 1980. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau bình thường. Vợ chồng ly thân được 12 năm nay, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay ông K nộp đơn xin ly hôn, bà K muốn hỏi ý kiến các con, còn quan điểm của bà là mặc kệ ông.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 06 con chung là Đỗ Thị T, sinh năm 1981; Đỗ Văn K, sinh năm 1984; Đỗ Thị Quý T, sinh năm 1986; Đỗ Thị P, sinh năm 1988; Đỗ Thị H, sinh năm 1990; Đỗ Văn K, sinh năm 1992. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn bà K. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị gì. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho ông Đỗ Văn K được ly hôn bà Nguyễn Thị K. Về con chung: Hiện tại, 06 con chung của ông K và bà K đã trưởng thành nên không xem xét. Về

tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị K đang cư trú tại thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị K vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn K và bà Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện M năm 1980 nên hôn nhân giữa ông K và bà K là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của ông K và bà K: Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Trước yêu cầu của ông K xin ly hôn, bà K không đến Tòa án làm việc, và cũng không có phương pháp để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của ông K xin ly hôn bà K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng ông K và bà K có 06 con chung là: Đỗ Thị T, sinh năm 1981; Đỗ Văn K, sinh năm 1984; Đỗ Thị Quý T, sinh năm 1986; Đỗ Thị P, sinh năm 1988; Đỗ Thị H, sinh năm 1990; Đỗ Văn K, sinh năm 1992. Xét thấy, các con chung đều đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Ông K do tuổi cao và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho ông K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Xác nhận vợ chồng ông K và bà K có 06 con chung là cháu Đỗ Thị T, sinh năm 1981; Đỗ Văn K, sinh năm 1984; Đỗ Thị Quý T, sinh năm 1986; Đỗ Thị P, sinh năm 1988; Đỗ Thị H, sinh năm 1990; Đỗ Văn K, sinh năm 1992. Hiện tại, các con chung đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đỗ Văn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông K 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075609 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Ông Đỗ Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T, huyện M, TP Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Ngọc T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trọng ***Nguyễn Thị Luận*** ***Tưởng Ngọc Tuấn***

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA